

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày: 02-7-2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định xét xử số 45/2021/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HS-QĐ ngày 23-6-2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh năm 1981, tên gọi khác: Không; nơi sinh: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 7 (Th, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Duy C (đã chết) và con bà Đỗ Thị N, sinh năm 1954; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ: Lê Thị L, sinh năm 1984; có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-9-2012 đến ngày 21-3-2013 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”; Bị áp dụng biện pháp “Bắt buộc chữa bệnh” từ ngày 09-5-2013 đến ngày 25-10-2013; Ngày 25-7-2016 bị cáo bị bắt để tạm giam, đến ngày 21-11-2016; Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã tạm giữ từ ngày 20-3-2021 đến ngày 23-3-2021 chuyển tạm giam cho đến nay.

*** Bị hại:** Anh Trần Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 17, xã H huyện H, tỉnh Nam Định.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Phạm Đại D, sinh năm 1968;
2. Anh Mai Văn B ; sinh năm 1972;

3. Anh Trần Văn N; sinh năm 1978
4. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1966;
5. Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1979;
6. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1972;
7. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985;
8. Bà Bùi Thị Tuyết A, sinh năm 1965;
9. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1992;
10. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964;
11. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;
12. Anh Phan Văn C, sinh năm 1982;
13. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1981;
14. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;
15. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1969;
16. Anh Phạm Bá D, sinh năm 1993;
17. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1970;
18. Anh Lê Văn T, sinh năm 1982;
19. Ông Mai Văn K, sinh năm 1971;
20. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1980
21. Anh Lương Văn H, sinh năm 1977;

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; bị hại và những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Hành vi tổ chức đánh bạc: do biết bà Nguyễn Thị H (tức T), sinh năm 1933, ở xóm 1, xã HT, huyện H ở một mình tại căn nhà cấp bốn, năm gian, thường xuyên đi vắng không đóng cửa nên chiều ngày 22-9-2012, Phạm Đại D sinh năm 1968, ở xã H, huyện HT đã đem 18 chiếc ghế nhựa, 01 tấm thảm dài 5m rộng 1m đến để tổ chức đánh bạc và thuê Phạm Văn Đ canh gác, cảnh giới với số tiền 200.000đ/lần đánh bạc. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, Đ điều khiển mô tô BKS 18P2 - 9621 đi đến nhà D, D phân công Đ đứng ở vị trí xóm 11, xã HH cách nhà bà H khoảng 01 km để chỉ đường cho các con bạc và nếu phát hiện có lực lượng Công an đến bắt thì gọi điện báo cho D để giải tán đánh bạc, Đ nhất trí. Sau đó D điện thoại rủ Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, ở xã X, huyện X và Trần Văn N, sinh năm 1978, ở xã HT đến nhà bà H đánh bạc; đồng thời D thuê Mai Văn B, sinh năm 1972, ở thị trấn Y xóc cái với giá 300.000đồng/buổi đánh bạc và gọi điện cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, ở thị trấn Y, huyện H đem tiền đến xóc bạc để cho các con bạc vay. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, Phạm Văn B, sinh năm 1966, ở xã H gặp D trên đường

xóm 1, xã H, D nói đang tổ chức đánh bạc tại nhà bà H nên B cùng đi đến nhà bà H tham gia đánh bạc. Sau đó Nguyễn Văn H và Vũ Văn T sinh năm 1992, Bùi Thị Tuyết A sinh năm 1965, Phạm Bá D sinh năm 1993, Vũ Thị L sinh năm 1970 đều ở huyện G; Phạm Văn D sinh năm 1981, Mai Văn K sinh năm 1971 đều ở thị trấn Y, huyện H; Phan Văn C sinh năm 1982 ở xã H4, Phạm Văn T sinh năm 1964, Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, Phạm Thị H sinh năm 1982 đều ở huyện T; Phạm Văn C sinh năm 1972, Trần Thị Y sinh năm 1969 đều ở xã H, huyện H; Đỗ Thị K sinh năm 1979, ở xã N, huyện N, Lê Văn T sinh năm 1982, ở xã H thông báo cho nhau hoặc tự tìm đến nhà bà H đánh bạc. Sau khi đến nhà bà H, Nguyễn Văn H đục quân bài tú lơ khơ thành 04 quân bài hình tròn, Mai Văn B cho 4 quân bài vào bát, lấy đĩa úp lại xóc cho các con bạc nói trên cá cược chẵn lẻ, mức sát phạt bằng tiền mặt thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất tùy người chơi. Khi bắt đầu đánh bạc, D bảo Trần Văn N thu tiền hồ 300.000đồng/một người tham gia đánh bạc và thu, trả tiền thắng thua cho các con bạc sau mỗi lần mở bát, N đã thu tiền hồ của H, T, D, T1, D mỗi người 300.000đồng, thu của Phạm Thị H 150.000 đồng, được tổng số tiền 1.650.000đồng và đưa hết cho D. Khoảng 15giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn Đ và các đối tượng đánh bạc bị Công an huyện H bắt giữ, thu giữ trên chiếu bạc 11.620.000 đồng, thu trên người các con bạc số tiền 9.600.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, 04 quân bài hình tròn, một đĩa sứ, 02 bát sứ, một tấm thảm và 18 chiếc ghế nhựa các loại; thu giữ của Phạm Văn Đ một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2.

- Phạm Đại D bỏ trốn Cơ quan điều tra quyết định truy nã, đến ngày 16-01-2013 Phạm Đại D ra đầu thú.

- Phạm Thị H trong giai đoạn truy tố đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Viện kiểm sát đã Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, yêu cầu Cơ quan điều tra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Bản án số 04/2013/HSST ngày 30-01-2013, Tòa án nhân dân huyện H đã mở phiên toà xét xử sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo Mai Văn B, Trần Văn N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Gà bạc” và các bị cáo Phạm Văn B, Đỗ Thị K, Phạm Văn C, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn H, Phạm Văn D, Bùi Thị Tuyết A, Lê Văn T, Trần Thị Y, Phan Văn C, Phạm Văn T, Phạm Bá D, Mai Văn K, Vũ Thị L, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc” và tuyên mức hình phạt đối với từng bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bản án số 21/2013/HSST ngày 14-5-2013 của Tòa án nhân dân huyện H đã mở phiên toà xét xử sơ thẩm, và xử phạt bị cáo Phạm Đại D 9 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

* Về hành vi trộm cắp: Tối ngày 14-9-2012 , Phạm Văn Đ cùng Đỗ Văn H sinh năm 1980, ở xã H và Lương Văn H sinh năm 1977 ở xã H2, huyện H đến quán Nhất Long ở huyện X ăn uống. Sau khi ăn xong, khoảng 02 giờ ngày 15-9-2012 H, Đ, Lương Văn H đi xe taxi về đến chợ C, xã H thì Lương Văn H đi bộ về nhà. H nảy sinh ý định trộm cắp máy phát điện của nhà nghỉ Hồng

Nhưng do anh Trần Văn D, sinh năm 1977, ở xóm 17, xã H, huyện H làm chủ nên rủ Đ đi trộm cắp cùng, Đ đồng ý và gọi điện cho Lương Văn H đến để cùng đi. Khi Lương Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18F9 - 7865 đến, H bảo Lương Văn H đứng ngoài quốc lộ 21 khu vực cầu H, xã H để cảnh giới, còn H và Đ đi vào phía sau nhà nghỉ Hồng Nhung, mở cánh cổng lấy 01 phát điện gồm máy nổ hiệu Đông Phong 24 và củ phát điện 11kw gắn trên xe kéo 3 bánh. Đ kéo phía trước còn H đẩy phía sau đưa máy phát điện ra ngoài đường. Sau đó, Lương Văn H điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau kéo máy, còn H đi xe máy theo sau mang đến cất giấu tại hẻm phía sau nhà Phạm Văn T sinh năm 1973, ở xóm 6B, xã H2, huyện H (là anh trai của Đ) rồi cùng sang bãi tắm Quất Lâm thuê phòng ngủ. Ngày 16-9-2012 do không tiêu thụ được chiếc máy phát điện nên H gọi điện cho anh D nói là biết chỗ để máy phát điện của anh D và bảo anh D đưa 500.000 đồng sẽ chỉ chỗ để máy phát điện. Anh D nhất trí đưa cho H 500.000 đồng, H đến đưa cho Đ để trả tiền nhà nghỉ hôm trước và bảo Đ kéo máy phát điện đến khu vực cầu H, xã H3 để anh D đến lấy nhưng Đ không kéo vì sợ bị phát hiện. Ngày 17-9-2012, anh T về nhà thì thấy có máy phát điện để ở hẻm ngõ nhà mình, không biết của ai nên đã đem đến Công an xã H2 giao nộp. Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã thu giữ máy phát điện.

Bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 18-9-2012 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: máy phát điện có trị giá 12.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại máy phát điện cho anh D. Đỗ Văn H đã tác động gia đình trả lại cho anh D 500.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản anh D không có đề nghị gì về dân sự.

Bản án số 03/HSST ngày 29-01-2013 của Tòa án nhân dân huyện H đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và xử phạt Đỗ Văn H 09 tháng tù, Lương Văn H 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra:

- Ngày 12-11-2012 ông Phạm Duy C là bố đẻ của bị cáo Phạm Văn Đ có đơn đề nghị cho bị can Đ đi giám định tâm thần. Tại Biên bản giám định pháp y tâm thần số 19/BB-TTGD ngày 06-12-2012 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần tỉnh Nam Định kết luận: “Phạm Văn Đ bị rối loạn cảm xúc lưỡng cực giai đoạn hưng cảm có loạn thần. Tại thời điểm phạm tội bị can không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

- Ngày 12-12-2012, Viện kiểm sát nhân dân huyện H yêu cầu Cơ quan điều tra trưng cầu giám định lại tình trạng tâm thần của bị can Đ. Tại Biên bản giám định pháp y tâm thần lại số 21/GDPYTT ngày 15-3-2013 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương kết luận “Phạm Văn Đ có bị bệnh tâm thần; Bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực hiện tại giai đoạn trầm cảm nặng không có các triệu chứng loạn thần. Tại thời điểm phạm tội, bệnh của bị can ở giai đoạn hưng cảm nhẹ, hạn chế khả năng điều khiển hành vi”. Phạm Văn Đ được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh từ ngày 09-5-2013 đến ngày 25-10-2013.

Qua trình điều tra, ngày 21-02-2017, Phạm Văn Đ bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 20-3-2021 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 40/CT-VKSHH ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điều 43 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20-3-2021. Bị cáo được trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22-9-2012, sau khi được Phạm Đại D thuê với số tiền 200.000 đồng, Phạm Văn Đ đã đồng ý và canh gác, canh giới cho Phạm Đại D, Mai Văn B, Trần Văn N, Phạm Thị T, Phạm Văn B, Đỗ Thị K, Phạm Văn C, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn H, Phạm Văn D, Bùi Thị Tuyết A, Lê Văn T, Trần Thị Y, Phan Văn C, Phạm Văn T, Phạm Bá D, Mai Văn K Vũ Thị L, Nguyễn Văn T và Phạm Thị H cùng nhau tổ chức đánh bạc, đánh bạc và gá bạc ăn tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa tại nhà ở của bà Nguyễn Thị H (tức T) sinh năm 1933 ở xóm 1, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền 21.220.000 đồng dùng vào việc đánh bạc (trong đó thu giữ trên chiếu bạc 11.620.000 đồng, thu trên người các con bạc số tiền 9.600.000 đồng); 04 quân bài hình tròn; một đĩa sứ; 02 bát sứ; một tấm thảm bằng ni; 18 chiếc ghế nhựa các loại và thu giữ của Phạm Văn Đ một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2.

Khoảng 02 giờ ngày 15-9-2012, lợi dụng sơ hở của anh Trần Văn D ở xóm 17, xã HH, huyện H. Phạm Văn Đ cùng Đỗ Văn H, Lương Văn H đã lén lút lấy trộm 01 máy phát điện có trị giá 12.000.000 đồng đặt tại nhà nghỉ Hồng Nhung do anh Trần Văn D làm chủ, sau đó đem đi cất giấu thì bị phát hiện.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, việc bị cáo đồng ý nhận lời với Phạm Đại D làm nhiệm vụ canh coi, canh giới nếu có người lạ vào khu vực tổ chức đánh bạc thì báo cho D biết để D tổ chức cho các đối tượng đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm nguy hiểm khác. Để góp phần đấu tranh, dẹp bỏ tệ nạn cờ bạc, bảo vệ sự bình yên cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã cùng với Lương Văn H, Đỗ Văn H cố ý thực hiện hành vi phạm tội, lén lút trộm cắp tài sản là chiếc máy phát điện của anh Trần Văn D đặt tại nhà nghỉ Hồng Nhung do anh D làm chủ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội và bất bình trong quần

chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về nhân thân, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với hành vi Tổ chức đánh bạc, ngày 22-9-2012 Phạm Đại D là người khởi xướng đã thuê và trả công bị cáo số tiền 200.000đ, để bị cáo canh coi, cảnh giới cho các đối tượng khác đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò nhóm thứ hai, tuy nhiên, số tiền công 200.000đ, bị cáo chưa được nhận. Đối với hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không phải là chủ mưu, khởi xướng mà do bị Đỗ Văn H rủ rê thực hiện hành vi trộm cắp. Tài sản trộm cắp là máy phát điện đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây rất nhiều khó khăn cho công tác điều tra. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức hành vi sai trái của mình. Bị cáo có thời gian bắt buộc chữa bệnh nên xem xét đối trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn D đã được nhận lại tài sản là 01 máy phát điện. Sau khi nhận lại tài sản anh D không yêu cầu, đề nghị gì thêm về bồi thường dân sự. Do đó, về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nokia C2 vỏ màu đen bên trong gắn sim của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các vật chứng khác của vụ án đã được xử lý theo Bản án số 04/2013/HSST ngày 30-01-2013 và Bản án số 03/HSST ngày 29-01-2013 của Tòa án nhân dân huyện H.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 43 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 49 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-3-2021. (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam và thời gian bắt buộc chữa bệnh như sau: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-9-2012 đến ngày 21-3-2013 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; Bị áp dụng biện pháp “Bắt buộc chữa bệnh” từ ngày 09-5-2013 đến ngày 25-10-2013; Ngày 25-7-2016 bị cáo bị bắt để tạm giam, đến ngày 21-11-2016; Bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 20-3-2021 đến ngày 23-3-2021 thì chuyển tạm giam).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nokia C2 vỏ màu đen bên trong gắn thẻ sim.

(Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 21-6-2021).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- UBND xã HT;
- THA HS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga